

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2023/HN&GD-ST

Ngày 07 - 02 - 2023

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Công Hòa.

Bà Lê Thị Kiều Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 457/2022/TLST-HN&GD, ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HN&GD, ngày 19 tháng 01 năm 2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thu Ph, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số nhà 154, đường H Ng, tổ 4, khu phố 4, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Kh, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số nhà 03, đường số 36, thôn 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Thu Ph trình bày:

Về hôn nhân: Chị Võ Thị Thu Ph và anh Nguyễn Đức Kh tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Giấy chứng nhận kết hôn số: 100, quyển số: 01/2007, đăng ký ngày 23/10/2007. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 5 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống; anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Từ đó, chị xác định không còn yêu thương, quý trọng gì đối với anh Kh, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai, nên chị đề nghị giải quyết ly hôn với anh Kh. Chị Ph và anh Kh có 01 (một) con chung là Nguyễn Thị Phương Uy, sinh ngày 10/11/2012, con hiện nay đang ở với chị.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị không không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Đức Kh:

Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn anh Kh không có ý kiến, cũng không có yêu cầu phản tố và vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã thực hiện việc xác minh về tình trạng hôn nhân của chị Võ Thị Thu Ph và anh Nguyễn Đức Kh, thể hiện tại biên bản xác minh ngày 19/12/2022 được ông Nguyễn O, sinh năm 1950, là cha của anh Nguyễn Đức Kh; cư trú tại: Số nhà 03, đường số 36, thôn 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận cung cấp thông tin như sau: Ông O là cha ruột của anh Nguyễn Đức Kh, sinh năm 1972. Hiện nay anh Kh có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại: Số nhà 03, đường số 36, thôn 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Tuy nhiên anh Kh thường xuyên đi làm xa, và thường thay đổi chỗ làm. Gia đình có nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng do Tòa án gửi cho anh Kh để Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thì gia đình đã điện thoại và thông báo lại cho anh Kh được biết, nhưng vì công việc nhiều nên anh Kh không thu xếp thời gian đến Tòa để tham gia giải quyết vụ án. Anh Kh và chị Ph kết hôn vào năm 2007. Sau khi kết hôn thì anh chị sinh sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2021, anh Kh về tại thôn 1, xã M để sinh sống, còn chị Ph vẫn sinh

sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống giữa chị Ph và anh Kh có phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Vì vậy, nay chị Ph khởi kiện ly hôn thì anh Kh đồng ý ly hôn, anh Kh thường xuyên nói chuyện về vấn đề ly hôn với chị Ph cùng gia đình và khẳng định về ý kiến là thống nhất ly hôn. Chị Ph và anh Kh có 01 (một) con chung là Nguyễn Thị Phương Uy, sinh năm 2012, con chung hiện nay đang sống cùng với chị Ph.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án, nhưng bị đơn anh Kh không tham gia nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện các hoạt động tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự, đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giải quyết cho chị Võ Thị Thu Ph ly hôn anh Nguyễn Đức Kh.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung do đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện lập ngày 15/7/2022, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xét xử vắng mặt: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng các đương sự đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố

tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt tại phiên tòa đối với nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[4] Về hôn nhân: Chị Võ Thị Thu Ph và anh Nguyễn Đức Kh tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Giấy chứng nhận kết hôn số: 100, quyển số: 01/2007, đăng ký ngày 23/10/2007. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 5 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống; anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Từ đó, chị xác định không còn yêu thương, quý trọng gì đối với anh Kh, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai, nên chị đề nghị giải quyết ly hôn với anh Kh.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa chị Ph với anh Kh thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cho nên cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Ph là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ph là người phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được công bố thấy rằng: Nội dung tranh chấp của vụ án không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên không áp dụng án lệ để giải quyết tranh chấp này, mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

[8] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Võ Thị Thu Ph.

1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị Thu Ph ly hôn anh Nguyễn Đức Kh.

2. Về án phí: Chị Võ Thị Thu Ph phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị Ph đã nộp 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0012511, ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chị Võ Thị Thu Ph đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND xã Mê Pu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quý

